

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 10 – NĂM HỌC 2025-2026

A/ Giới hạn chương trình: Hết Bài 4. Văn bản thông tin.

B/ Cấu trúc đề thi

* Thời gian: **90 phút**

* Gồm 2 phần: **Độc hiểu** (5,0 điểm) và **Viết** (5,0 điểm).

- Đọc hiểu: gồm 6 câu hỏi (theo các mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng).

- Viết: đề ra thuộc các kiểu bài:

+ Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

+ Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

C/ Kiến thức cần ôn tập

I/ Kiến thức đọc hiểu và câu hỏi liên quan

- Thể loại văn bản, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ,...

- Các biện pháp tu từ và tác dụng/hiệu quả nghệ thuật.

- Nội dung/chủ đề văn bản.

- Ý nghĩa từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, câu/ đoạn, văn bản.

- Nhận xét, giải thích, bày tỏ quan điểm về một vấn đề mà tác giả thể hiện trong văn bản.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về vấn đề trong đoạn trích/tác phẩm; nêu thông điệp/ bài học có ý nghĩa nhất và lí giải, ...

* *Lưu ý hướng dẫn HS cách trả lời một số dạng câu hỏi trắc nghiệm, đọc hiểu thường gặp trong đề thi.*

II/ Kiến thức phục vụ phần Viết

1/ Kiến thức Ngữ văn

a/ Kiến thức trọng tâm

- *Thần thoại*

- *Sử thi*

- *Thơ Đường luật*

- *Kịch bản chèo và tuồng*

- *Văn bản thông tin*

Lưu ý:

+ Đọc kĩ, nắm chắc phần kiến thức Ngữ văn trong SGK.

+ Ngữ liệu trong đề thi là những văn bản, đoạn văn bản nằm ngoài chương trình (cùng thể loại với những văn bản đã học).

b/ Yêu cầu cần đạt

Thần thoại và sử thi	Thơ Đường luật	Kịch bản chèo và tuồng	Văn bản thông tin
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại, sử thi như: <i>không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...</i> - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng,	- Phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mỹ của các yếu tố hình thức (<i>hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình, ...</i>) trong bài thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. - Phân tích và đánh giá được	- Phân tích được một số yếu tố hình thức và nội dung của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài,	- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp. Phân tích, đánh giá được cách đặt nhan đề và mục đích của người viết, cách đưa tin và quan điểm của người viết bản tin,

thông điệp của văn bản, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của bản thân; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm. - Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.	chủ đề, cảm hứng chủ đạo, tình cảm, cảm xúc, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.	tích truyện, nhân vật, lời thoại, chủ đề, thông điệp.... - Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá thể hiện trong kịch bản chèo hoặc tuồng.	sự kết hợp giữa các phương tiện giao tiếp trong việc thể hiện của văn bản thông tin đối với bản thân. - Nhận biết và sử dụng được cách trích dẫn, chú thích; phân tích được vai trò của một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ.
--	--	--	---

2/ Các kiểu bài viết

- Nghị luận về một vấn đề xã hội (tư tưởng đạo lí/ hiện tượng đời sống/ vấn đề xã hội được gợi ra từ đoạn trích/tác phẩm văn học)
- Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

D/ Đề thi tham khảo/ luyện tập

Đề 1.

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Ngày xưa, khi vạn vật còn chưa có, thế giới đã tồn tại ông Trời. Ông Trời có một quyền phép vô song, quyền phép tối cao nhất mà các vạn vật sau này không thể sánh bằng. Trời làm ra tất cả mọi thứ: trái đất, núi non, sông, biển, mưa, nắng. Trời sinh ra tất cả: loài người, cỏ cây, muông thú... Từ mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao trên trời cho đến vạn vật ở mặt đất, tất cả đều do Trời tạo nên.

Mắt của trời rất tinh tường, am hiểu và biết hết mọi sự xảy ra trên thế gian. Trời là cha đẻ muôn loài, xét đến muôn việc, thưởng phạt không bỏ ai. Do đó mà con người tin có đạo Trời, nhờ Trời, cho là Trời sinh, Trời dưỡng, và đến khi chết thì về chầu Trời.

Trời cũng có vợ, gọi là bà Trời, và mỗi khi hai ông bà cãi mắng nhau là lúc trời vừa mưa vừa nắng. Mỗi lúc Trời giận loài người làm lỗi ở thế gian thì giáng xuống thiên tai, bão táp, lụt lội, hạn hán...

Giang sơn của Trời là từ mặt đất lên đến trên cao, có chín tầng trời, và chỗ giáp với đất gọi là chân trời. Trời vô hình, không nói, nhưng người ta tin là ở đâu đâu cũng có mặt của Trời, không một ai tránh khỏi lưới Trời, mọi việc đều do Trời định.

Ông Trời của Việt Nam thời cổ cũng còn gọi là Ngọc Hoàng (...) Tương truyền rằng Ngọc Hoàng dùng đất sét nặn ra người xong, đem phơi nắng cho khô thì bỗng gặp một trận mưa to. Ngọc Hoàng vội vàng đem các tượng cất đi, song có vài tượng không lấy kịp, bị nước mưa làm hư. Các tượng hư hóa thành những người tàn tật ở trên mặt đất, còn những tượng kịp cất đi hóa thành những người lành lặn, đủ tay chân.

Ngọc Hoàng ở trong một cung điện giống như cung điện nhà vua dưới trần. Ở cửa điện có một thần mặc áo giáp cầm gậy giữ cửa. Ngọc Hoàng họp các quan lại tại đây. Triều đình

cũng không khác gì ở hạ giới (...). Ngọc Hoàng luôn vận sắc phục đại triều, áo thêu rồng vàng, đầu đội mũ có tua đỏ dài mười ba viên ngọc ngũ sắc, tay cầm hốt. Ngọc Hoàng thường ngự trên ngai chạm rồng mỗi lần thiết triều để xử việc trên trời hay ở thế gian. Bên tả và hữu của Ngọc Hoàng có các thần nhà trời châu chực để Ngọc Hoàng sai khiến.

Cõi trời chia ra chín tầng, có người nói là ba mươi ba tầng, các vị thần trời tùy theo chức tước cao thấp mà ở theo thứ tự mỗi tầng. Ngọc Hoàng là bậc tối cao, ở tầng thứ nhất.

(“Ông Trời”, trích từ “Thần Thoại Việt Nam” – Thu Nga, Việt Dũng, Hoàng Minh, NXB Thanh Niên)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra hai đặc điểm của ông Trời được nhắc tới trong văn bản.

Câu 3. Nhận xét đặc điểm không gian, thời gian của truyện.

Câu 4. Nêu cách hiểu của anh/chị về cụm từ “đạo Trời” được nói tới trong truyện.

Câu 5. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu sau: “Ngọc Hoàng ở trong một cung điện giống như cung điện nhà vua dưới trần”.

Câu 6. Chỉ ra một thông điệp có ý nghĩa nhất với anh/chị sau khi đọc văn bản (Trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh của sự tử tế trong cuộc sống.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5.0
	1	Ngôi kể của người kể chuyện: Ngôi thứ ba. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	0,5
	2	- Hai đặc điểm của ông Trời được nhắc đến trong văn bản, có thể là: + Ông Trời có một quyền phép vô song, quyền phép tối cao nhất mà các vạn vật sau này không thể sánh bằng. + Trời làm ra tất cả mọi thứ: trái đất, núi non, sông, biển, mưa, nắng. Trời sinh ra tất cả: loài người, cỏ cây, muông thú. + Mắt của trời rất tinh tường, am hiểu và biết hết mọi sự xảy ra trên thế gian. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời được 2 đặc điểm: 0,75 điểm - HS trả lời được 1 đặc điểm: 0,5 điểm - HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm	0.75
	3	- Không gian: vũ trụ nguyên sơ, ở nhiều cõi khác nhau (cõi trời, trần gian). - Thời gian: quá khứ, không xác định cụ thể (ngày xưa). Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 0,75 điểm - HS trả lời có một ý đúng: 0,5 điểm - HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm	0.75
	4	- Cụm từ “đạo Trời” được nói tới trong truyện có thể hiểu là: Đó là sự thưởng,	1.0

	phạt công bằng, phân minh của ông Trời đối với mọi hành động của con người ở cõi nhân gian. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 1,0 điểm - HS trả lời có ý đúng: 0,5 điểm - HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.	
5	- Biện pháp tu từ so sánh: Ngọc Hoàng ở trong một cung điện giống như cung điện nhà vua dưới trần”. - Tác dụng: + Thể hiện trí tưởng tượng phong phú, bay bổng, lãng mạn của người xưa; đồng thời kích thích trí tưởng tượng và khơi gợi niềm hứng thú khám phá của người đọc. + Giúp người đọc dễ hình dung ra không gian sống của Ngọc Hoàng là một nơi uy nghi, xa hoa, lộng lẫy và uy nghiêm. + Thể hiện thái độ tôn kính của người xưa với Ngọc Hoàng. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.	1.0
6	- Rút ra một thông điệp có ý nghĩa (Sống lương thiện, sống tử tế...). - Nêu được ý nghĩa của thông điệp. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 02 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 01 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1.0
II	VIẾT	5,0
	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về <i>sức mạnh của sự tử tế trong cuộc sống</i> .	
	a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Đảm bảo bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Trình bày suy nghĩ về sức mạnh của sự tử tế trong cuộc sống.	0,5
	c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu: Lựa chọn được thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng, trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: 1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: sức mạnh của sự tử tế trong cuộc sống. 2. Thân bài: * <i>Giải thích:</i> Sự tử tế có nghĩa là sự cẩn thận, kĩ lưỡng, thận trọng, chu đáo trong công việc, trong lối sống và trong cách đối xử với mọi người. * <i>Ý nghĩa kiểm soát cảm xúc của bản thân:</i> - Sự tử tế giúp mỗi người sống vui vẻ, hạnh phúc - Làm quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp	3,0

	- Nhờ biết sống tử tế, con người biết đồng cảm, yêu thương và sẻ chia với nhau nhiều hơn, sâu sắc hơn. - Sự tử tế giúp con người nhận thức lại hành động của bản thân, kiểm soát bản thân và đối nhân xử thế một cách văn minh, nhân ái. - Sự tử tế khiến con người biết sống cống hiến nhiều hơn là thụ hưởng, cho đi nhiều hơn để làm đẹp cuộc sống xung quanh. - Khi mỗi người biết sống tử tế với nhau, xã hội sẽ phát triển lành mạnh, đạo đức được đề cao, tình yêu thương lan toả, pháp luật được tôn trọng, thế giới không còn bạo lực, chiến tranh. HS lấy dẫn chứng minh họa phù hợp. <i>* Bàn luận mở rộng:</i> Sự tử tế cần được rèn luyện và thực hành từ ý thức mỗi cá nhân. Mỗi con người sẽ có những lựa chọn ứng xử khác nhau. Sự tử tế cũng là một lựa chọn. Có những người bị môi trường bên ngoài tác động mà có những phản ứng tiêu cực, những hành động xấu. <i>* Liên hệ bản thân.</i> - Hành động với mục đích tốt, mang lại giá trị cho bản thân và mọi người - Sống nhân ái, biết cảm thông, chia sẻ. - Có trách nhiệm với hành động của chính bản thân mình - Luôn nghĩ lạc quan, nghĩ về những điều tốt đẹp có thể làm cho mình và người khác - Tham gia các hoạt động thiện nguyện phù hợp với khả năng. 3. Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận <i>* Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

Đề 2.

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mac

(Cuộc chiến vây hãm thành Tô-roa của quân A-kê-en(1), tức quân Hy Lạp, bước sang năm thứ mười vẫn không phân thắng bại. Quân Hi Lạp nhất thời giành thế áp đảo. Hoàng tử Héc-to, chủ soái quân đội thành Tô-roa, quay vào thành thúc giục binh sĩ, khẩn cầu nữ thần A-tê-na giúp đỡ. Chàng ghé về nhà thăm vợ con).

Trông thấy con thơ, người cha mỉm cười, không nói. Phu nhân (nàng Ăng-đrô-mác) lại bên chàng, nước mắt đầm đìa.

Xiết tay chàng, nàng nức nở: “Ôi, chàng thật tệ! Lòng can đảm của chàng sẽ huỷ hoại chàng! Chàng chẳng biết thương cả con trai thơ dại, cả người mẹ thiếu não này. Ra trận, bọn

A-kê-en(1) nhất loạt xông lên sẽ tức khắc hạ sát chàng, chẳng mấy nữa thiếp thành goá phụ. Thiếp nguyện xuống mồ sâu còn hơn để mất chàng. Chàng bỏ thiếp lại một mình, còn gì thiết tha trên cõi đời này nữa. Phận thiếp toàn những khổ đau. Thiếp chẳng còn cha, mẹ hiền cũng không còn nữa. [...]. Héc-to(2) chàng hồi, giờ đây với thiếp, chàng là cha và cả mẹ kính yêu; chàng là cả anh trai duy nhất, cả đức lang quân cao quý của thiếp. Xin chàng hãy rủ lòng thương thiếp và con mà đừng ra trận, hãy ở lại trên tháp canh này, đừng để trẻ thơ phải mồ côi, vợ hiền thành goá phụ. [...].

Héc-to lấy lòng, mũ trụ sáng loáng, đáp lời nàng: “Phu nhân ơi, cả ta cũng lo lắng không nguôi về mọi điều nàng nói. Nhưng sẽ hồ thẹn xiết bao với những chiến binh và nhữn người phụ nữ thành Tor-roa xống áo thướt tha, nếu ta ở lại đây, như kẻ hèn nhát, đứng nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữa, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân. Ta biết, bằng cả trái tim và lí trí, tự ta biết rồi sẽ tới ngày thành Tor-roa thiêng liêng thất thủ.

Cả vua Pri-am cùng thần dân giương cao ngọn giáo của người cũng sẽ bị tiêu diệt. Song điều làm tim ta tan vỡ không chỉ là nỗi thống khổ sẽ tới của những thần dân thành Tor-roa, của chính hoàng hậu Hê-cu-ba và quốc vương Pri-am, không chỉ là nỗi thống khổ của đàn em trai rồi đây sẽ bị đòn thù ác nghiệt quật ngã xuống đất bụi mờ, mà còn là nỗi thống khổ của nàng! Một gã A-kê-en sáng loáng khiến đồng sẽ tới bắt nàng đi. Lã chã tuôn dòng lệ trắng, nàng sẽ không còn ngày tháng tự do. Nàng sẽ phải làm nô lệ, ở Ác-gốt dệt vải cho người, hay phải lặn lội tới tận lạch sông Mét-xê-ít, Hi-pê-rê lấy nước: cực nhọc trăm bề, đắng cay muôn nỗi.

Một ngày, thấy nàng tuôn rơi hàng lệ, ai đó sẽ bảo: “Đó là vợ của Héc-to, kẻ can trường nhất trong số những người Tor-roa giỏi luyện ngựa từng chiến đấu giữ thành I-li-ông năm xưa. Người nói vậy lại là đánh thức nỗi thống khổ luôn mới lại trong lòng nàng. Nàng quên nhớ chồng lẽ ra có thể cứu nàng khỏi kiếp tội đời. Song lúc ấy ta đã không còn, đã bị vùi dưới đất dày từ trước khi nhìn thấy nàng bị đoạ đầy ô nhục và nghe được tiếng than xé ruột của nàng!”. Dứt lời, Héc to lừng danh cúi xuống ôm con trai vào lòng.

(Trích sử thi I-li-át - Hô-me-rơ, Hải Phong dịch, tạp chí Toán học và Văn học nhà trường, số ra tháng 2/2021)

Câu 1. Đề tài của đoạn trích trên là gì?

Câu 2. Tìm những từ ngữ được lặp lại khắc hoạ đặc điểm của nhân vật Héc-to trong đoạn trích.

Câu 3. Theo đoạn trích, lí do nào khiến Ăng-đrô-mác không muốn Héc-to ra trận?

Câu 4. Héc-to đưa ra những lí lẽ gì để vẫn quyết định ra trận?

Câu 5. Em hãy nhận xét về phẩm chất của người anh hùng Héc-to và Ăng-đô-mác .

Câu 6 Từ nội dung câu chuyện, có thể thấy một đặc điểm nào nổi bật của sử thi?

Phần II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề sống có trách nhiệm.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Đề tài của đoạn trích là Chiến tranh	0,5
	2	Những từ ngữ lặp lại là: -Héc-to lấy lòng -Mũ trụ sáng loáng -Héc to lừng danh	0,75
	3	Theo đoạn trích, lí do khiến Ăng-đrô-mác không muốn Héc-to ra trận là: + Không muốn chàng phải mạo hiểm	0,75

		+ Không muốn con thơ thành đứa trẻ mồ côi cha, bản thân mình trở thành góa phụ. + Héc-to là người thân yêu duy nhất, là chỗ dựa lớn nhất của nàng	
	4	Những lý lẽ khiến Héc-to vẫn quyết định ra trận: + Chàng không muốn trở thành kẻ hèn nhát, phải hỏ thẹn với những người anh em, lính chiến cùng xông pha ngoài chiến trận + Chàng là người có nhiệt huyết, lý tưởng sống cao đẹp	1,0
	5	- Phẩm chất của Ăng-đrô-mác là một người phụ nữ yêu chồng, thương con, rất tha thiết với gia đình và luôn khao khát hạnh phúc bình yên -Phẩm chất của người anh hùng Hec-to + Dũng cảm, có lý tưởng + Rạch ròi giữa tình cảm gia đình, vợ chồng và lợi ích của nhân dân, đất nước + Sẵn sàng hi sinh hạnh phúc của bản thân <i>* HS có thể trả lời theo quan điểm, suy nghĩ của cá nhân, có nhận xét, lí giải hợp lí.</i>	1,0
	6	- Kể lại những sự kiện quan trọng trong đời sống cộng đồng -Tượng trưng cho những phẩm chất tốt đẹp nhất trong cộng đồng -Nhằm khắc sâu ấn tượng với độc giả về vẻ đẹp của nhân vật, góp phần điển hình hoá nhân vật. <i>* HS có thể trả lời theo quan điểm, suy nghĩ của cá nhân, có nhận xét, lí giải hợp lí.</i>	1,0
II		VIẾT	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. Sống có trách nhiệm	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: * Mở bài: giới thiệu vấn đề cần nghị luận * Thân bài: - Giải thích: Sống có trách nhiệm là cách sống trong đó mỗi người ý thức được bốn phận của mình đối với bản thân, gia đình, công việc và cộng đồng; đồng thời chủ động thực hiện những bốn phận ấy bằng hành động đúng đắn, trung thực và có ý nghĩa. - Biểu hiện của sống có trách nhiệm: Đối với học sinh: trách nhiệm của chúng ta là học tập tốt, nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của nhà trường, có tính thần yêu nước, chăm lo học tập,...Có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, những người xung quanh; đối với công dân: thực hiện tốt quy định của nhà nước, của pháp luật, có trách nhiệm với gia đình và mọi người xung quanh; đối với một công chức: thực hiện đúng nhiệm vụ của Đảng và nhà nước giao cho, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao cho,... - Ý nghĩa, vai trò của sống có trách nhiệm: Ý thức trách nhiệm thúc đẩy con người cố gắng, không buông xuôi trước khó khăn, thử thách, từ đó đạt được thành công trong học tập và công việc; người biết sống trách nhiệm ngày càng hoàn thiện bản thân, được mọi người xung quanh yêu quý, tin tưởng; đóng góp và lan toả những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng; khi mọi	3,0

	người đều có ý thức trách nhiệm, xã hội trở nên tốt đẹp, nhân ái và phát triển bền vững;... - Mở rộng vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm; rút ra bài học nhận thức và hành động 3. Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. Sáng tạo: Bài viết có cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

Đề 3.

I/ Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THU VỊNH

(Nguyễn Khuyến)

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
 Cồn trúc lơ phơ gió hắt hiu.
 Nước biếc trông như tầng khói phủ,
 Song thưa để mặc bóng trăng vào.
 Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
 Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
 Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
 Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào⁽¹⁾.

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Xuân Diệu giới thiệu, NXB Văn học, 1971, tr.106)

Chú thích: (1) Ông Đào: ở đây chỉ Đào Uyên Minh, còn gọi là Đào Tiềm (365 - 427), tự Nguyên Lượng, người đất Tầm Dương, Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Từ năm 29 đến năm 41 tuổi, có nhiều lần Đào Uyên Minh ra làm quan và cũng nhiều lần xin từ chức. Đến năm 405, ông chính thức tuyên bố rút về ở ẩn với điền viên. Lúc bấy giờ ông mới 40 tuổi và viết bài thơ “Quy khứ lai từ” (Về đi thôi!).

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Hãy chỉ ra những từ láy được sử dụng trong các câu thơ sau:

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
 Cồn trúc lơ phơ gió hắt hiu.
 Nước biếc trông như tầng khói phủ,
 Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Câu 3. Hãy nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
 Một tiếng trên không ngỗng nước nào?

Câu 4. Nêu chủ đề của văn bản trên.

Câu 5. Nhận xét về đẹp của bức tranh thiên nhiên mùa thu trong văn bản.

Câu 6. Anh/chị hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân sau khi đọc văn bản trên và lí giải. (Trả lời trong khoảng 5-7 dòng).

II/ Viết (5,0 điểm)

Trì hoãn công việc là thói quen xấu của nhiều người hiện nay. Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0

	1	Số chữ trong mỗi dòng thơ đều là 7, cả bài thơ có 8 dòng là những dấu hiệu để xác định thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật/Thất ngôn bát cú của văn bản.	0,75
	2	Những từ láy trong đoạn thơ: <i>Lơ phơ, hắt hiu</i>	0,5
	3	- Phép đối được sử dụng trong hai câu thơ: <i>Mấy chùm - Một tiếng; hoa năm ngoái - ngỗng nước nào</i> - Tác dụng: + Tạo sự cân xứng, hài hòa và tăng tính sinh động, gợi hình, gợi cảm cho đoạn thơ. + Nhấn mạnh sự ít ỏi, vắng vẻ của bức tranh thiên nhiên mùa thu.	0,75
	4	Chủ đề: Thông qua bức tranh thiên nhiên mùa thu mang những đặc trưng của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, bài thơ đã kín đáo gửi gắm nỗi lòng tha thiết của nhà thơ đối với quê hương, đất nước.	1,0
	5	Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên mùa thu trong văn bản: - Bức tranh thiên nhiên mùa thu đẹp, thơ mộng nhưng vắng vẻ, yên ả: Có trời xanh, cao; cảnh trúc lơ phơ, gió hắt hiu, nước biếc, sương khói phủ, trắng... tiêu biểu cho bức tranh thiên nhiên mùa thu của nông thôn vùng Đồng bằng Bắc Bộ.	1,0
	6	- HS nêu được một thông điệp có nghĩa nhất với bản thân và lí giải hợp lí, thuyết phục. Gợi ý các thông điệp có thể nêu: + Tình yêu với thiên nhiên. + Sự gắn bó, hòa hợp giữa thiên nhiên và con người. + Tình yêu với quê hương, đất nước. + Cần trau dồi, gìn giữ nhân cách của con người. ...	1,0
II		VIẾT	5,0
		Trì hoãn công việc là thói quen xấu của nhiều người hiện nay. Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.	
		<i>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Đảm bảo bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen trì hoãn công việc	0,5
		<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu:</i> Lựa chọn được thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng, trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: 1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: thói quen xấu cần từ bỏ: thói quen trì hoãn công việc. 2. Thân bài: * Giải thích thế nào là thói quen trì hoãn và thực trạng của thói quen này: - Trì hoãn trong công việc: là chần chừ, lè mề, rề rà, chưa muốn bắt tay vào làm ngay một công việc nào đó hoặc có tâm lí chờ và để một thời gian mới làm và giải quyết. - Thói quen trì hoãn công việc lại là thói quen được lặp đi lặp lại nhiều lần ở con người. - Thực trạng: Đây là thói quen xấu mà rất nhiều người mắc phải, tùy theo mức độ nặng nhẹ.	3,0

	*Những lí do để mọi người nên từ bỏ thói quen trì hoãn công việc: - Tác hại với cá nhân: + Thói quen trì hoãn và viện cớ sẽ khiến chúng ta giậm chân tại chỗ, không nỗ lực bắt tay vào hành động, do đó không đạt được những gì mình mong ước. Trì hoãn công việc ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và kết quả của công việc, trì hoãn khiến ta không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn + Trì hoãn khiến cho con người bỏ lỡ những cơ hội, những điều kiện tốt để phát triển và khẳng định giá trị của bản thân. + Thói quen trì hoãn công việc còn làm nảy sinh tính bê trễ, thiếu kỉ luật, trách nhiệm với bản thân cũng như với công việc được giao, từ đó hình thành tâm lí ỷ lại, lười biếng. - Tác hại với tập thể, xã hội: + Thói quen trì hoãn công việc sẽ khiến cho công việc của tập thể chậm tiến độ, khó hoàn thành mục tiêu đã đặt ra đúng hạn. + Thói quen xấu này là lực cản, làm tụt lùi sự phát triển của xã hội. * Dự đoán lập luận của người có thói quen trì hoãn công việc để phản biện lại: - Người có thói quen trì hoãn công việc có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là: Vì trong cuộc sống có thể có những điều bất thường xảy ra nằm ngoài dự tính nên buộc con người phải trì hoãn công việc đang thực hiện để giải quyết những vấn đề trước mắt; Áp lực công việc, không có đủ thời gian để hoàn thành công việc nên phải tạm thời trì hoãn; Nhiều người nghĩ rằng bản thân mình còn nhiều thời gian nên chưa vội làm việc đó luôn, đi kèm đó là lời hứa “một ngày nào đó” họ sẽ làm,... - Người viết có thể phản biện lại: Thời gian không chờ đợi ai. Chỉ khi bắt tay vào hành động thì ta mới tháo gỡ được những khó khăn và giải quyết được những công việc. Công việc là do bạn lựa chọn nên bạn phải có trách nhiệm với công việc đó. * Biện pháp để từ bỏ thói quen trì hoãn trong công việc: + Học tập, tu dưỡng, rèn luyện kĩ năng, tiếp thu lĩnh hội kiến thức mới mẻ để không trì hoãn công việc mỗi khi thấy khó. Hãy tập yêu công việc- thứ gắn bó với bạn mỗi người. + Nỗ lực học hỏi, sáng tạo, giải quyết nhanh công việc, không để tồn đọng công việc sẽ gây ảnh hưởng đến người khác. + Hãy nghĩ tới tương lai, đích đến, cảm giác chinh phục được mục tiêu của mình sẽ tuyệt vời như thế nào. Hãy để chúng dẫn lối và tạo động lực cho bạn. + Bắt tay vào công việc, đừng trì hoãn. Không quan tâm đến đó là việc gì, chỉ cần biết rằng nó phục vụ cuộc sống tương lai của bạn là đủ.... 3. Kết bài: - Khái quát, khẳng định lại tác hại tiêu cực của thói quen trì hoãn công việc. - Rút ra bài học cho bản thân cần sống có trách nhiệm, tự giác hoàn thành công việc đúng thời hạn, sống có kỉ luật. * Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,5

		Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
		đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

Đề 4.

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

THĂNG LONG THÀNH HOÀI CỐ^(*)

(Bà Huyện Thanh Quan)

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường⁽¹⁾
Đến nay thấm thoát mấy tinh sương⁽²⁾
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo⁽³⁾,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương⁽⁴⁾,
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt⁽⁵⁾,
Nước còn cau mặt với tang thương⁽⁶⁾
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ.
Cảnh đây người đây luống đoạn trường⁽⁷⁾

(Nguồn: Nguyễn Tường Phụng, Phan Văn Sách, Bùi Hữu Sùng, *Việt văn diễn giảng hậu bán thế kỷ thứ XIX*, Trường Nguyễn Khuyến xuất bản, Hà Nội, 1953)

Chú giải:

(*) Thăng Long là kinh đô nước ta từ đời nhà Lý đến đời nhà Lê, đến đời Minh Mệnh nhà Nguyễn thì đổi ra tỉnh Hà Nội. Đi qua cố đô, Bà huyện Thanh Quan, đại biểu cho giai cấp sĩ phu Bắc Hà, băng khuâng trước sự di đô đổi triều, đau lòng trước sự tang thương.

- (1) *Hí trường*: Sân khấu diễn tuồng. Ở đây dùng ví với cuộc đời, vì nối tiếp hết lớp này tiếp lớp khác, luôn biến đổi;
- (2) *Tinh sương*: Một năm, tinh là sao, mỗi năm di chuyển một vòng, sương theo thời tiết, mỗi năm giáng một lần;
- (3) *Thu thảo*: Cỏ mùa thu;
- (4) *Tịch dương*: Bóng mặt trời lúc chiều tà;
- (5) *Tuế nguyệt*: Năm tháng;
- (6) *Tang thương*: Do chữ "thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành ruộng dâu), chỉ việc sự vật thay đổi;
- (7) *Đoạn trường*: Đau lòng đứt ruột.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2. Những câu thơ nào gợi lên hình ảnh hoang tàn, phế tích của kinh thành xưa?

Câu 3. Hãy nhận xét về ngôn ngữ thơ của bà Huyện Thanh Quan.

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ nghệ thuật trong hai câu thơ sau:

*Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương*

Câu 5. Nêu cảm nhận về tâm trạng của tác giả thể hiện trong bài thơ.

Câu 6. Bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị của quá khứ? (Trả lời trong khoảng 5 - 7 dòng).

II/ Viết (5,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về hiện tượng sống ảo.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật/Thất ngôn bát cú.	0,5
	2	Những câu thơ gợi lên hình ảnh hoang tàn, phế tích của kinh thành xưa: <i>Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo, Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.</i>	0,75
	3	- Nhận xét về ngôn ngữ thơ của bà Huyện Thanh Quan: Ngôn ngữ thơ trang trọng, cổ điển, có sự xuất hiện dày đặc của các từ ngữ Hán Việt (<i>hí trường, tinh sương, thu thảo, lâu đài, tịch dương, tuế nguyệt, kim cổ, đoạn trường, ...</i>)	0,75
	4	- Các biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ: + Nhân hóa: “đá” và “nước” được nhân hóa, mang tính người và hồn người. Trên cái “nền cũ lâu đài”, đá thách thức cùng năm tháng “vẫn tro gan” đau đớn, buồn thương. Nơi bến cũ, hồ xưa, “nước còn cau mặt” với mọi đổi thay, “với tang thương” cuộc đời. + Phép đối chặt chẽ: Đá vẫn tro gan - Nước còn cau mặt; tuế nguyệt - tang thương - Tác dụng của các biện pháp tu từ: + Làm nổi bật được sự vĩnh hằng, bất biến của thiên nhiên, vũ trụ trước thời gian. Tạo cảm nhận rõ ràng, sâu sắc, cụ thể về sự biến thiên, dâu bể của cuộc đời. + Thể hiện cảm hứng hoài cổ của nhà thơ. + Tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho lời thơ; làm cho cách diễn đạt thêm giàu hình ảnh, lời thơ thêm trang trọng.	1,0
	5	Tâm trạng của tác giả trong bài thơ: - Bài thơ thể hiện nỗi niềm hoài cổ của thi sĩ về kinh thành Thăng Long xưa. Những triều đại vàng son, huy hoàng, tráng lệ ngày trước nay chỉ còn là cảnh hoang phế, điêu tàn, vắng lặng. Đứng trước cảnh đó, lòng người chất chứa biết bao cảm giác xót xa, ngậm ngùi, nhớ tiếc.	1,0
II	6	- HS nêu được suy nghĩ về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị của quá khứ: + Những giá trị của quá khứ sẽ là nền tảng cho hiện tại và tương lai (là bài học kinh nghiệm vô giá...) + Trân trọng những giá trị của quá khứ sẽ hình thành cho con người những phẩm chất cao đẹp,...	1,0
		VIẾT	
		Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về hiện tượng sống ảo.	5,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Đảm bảo bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Hiện tượng sống ảo	0,5
		<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu:</i>	

	<i>Lựa chọn được thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng, trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</i>	
	* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài: - Giải thích: Sống ảo là hiện tượng thích thể hiện những hình ảnh và thông tin khác xa với thực tế cuộc sống. - Bàn luận: + Biểu hiện của hiện tượng sống ảo: thường xuyên khoe trên mạng xã hội hoặc trong đời sống những điều kiện vật chất, tinh thần, tài năng... không thuộc về mình hoặc vượt quá khả năng của mình... + Hậu quả của hiện tượng sống ảo: tạo thói quen sống ảo tưởng về bản thân, thích khoe khoang vật chất, rời xa cuộc sống thực tế, không thực sự học tập, lao động... không nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu của mình,...(Bằng chứng) - Nêu ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó. - Đề xuất giải pháp khả thi: Tuyên truyền, nêu gương sống tích cực ở giới trẻ; có sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục giới trẻ...(Bằng chứng) * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận <i>* Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	3,0
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

Đề 5.

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản:

CHIỀU HỒM NHỚ NHÀ

Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn,
 Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.
 Góc mái, ngư ông về viễn phố,
 Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
 Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
 Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
 Kẻ chốn trang đài^[1], người lữ thứ,
 Lấy ai mà kẻ nỗi hàn ôn?

(Bà Huyện Thanh Quan- Dẫn theo SGK Văn 8 NXBGD)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1: Xác định chủ thể trữ tình.

Câu 2: Hãy cho biết dấu hiệu để xác định thể thơ của bài thơ?

Câu 3: Chỉ ra những từ Hán Việt được sử dụng trong bốn câu thơ sau

Trời chiều vắng lặng bóng hoàng hôn,
 Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.
 Góc mái, ngư ông về viễn phố,
 Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

Câu 4: Phân tích hình ảnh “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi”.

Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ.

Câu 6: Từ bài thơ, em cảm nhận gì về số phận người phụ nữ xưa (viết khoảng 5-7 dòng)?

II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn (khoảng 600 chữ) về cách ứng xử của tuổi trẻ khi gặp thất bại trong cuộc sống.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Chủ thể trữ tình: Tác giả-Bà Huyện Thanh Quan. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	- Dấu hiệu xác định thể thơ: Mỗi dòng thơ có bảy chữ; bài thơ có 8 câu; tuân thủ luật thơ định ra từ thời Đường (Trung Quốc): Niêm, luật, đối. Bài thơ được viết theo thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được đủ 3 ý, như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời đúng mỗi ý được 0,25 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm	0,75
	3	Các từ Hán Việt: Hoàng hôn, Ốc, Ngư ông, Viễn phố, Mục tử, Cô thôn. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng như đáp án : 0,75 điểm. - Trả lời đúng 3 từ: 0,5 điểm. - Trả lời được 1-2 từ được 0,25 điểm. - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm.	0,75
	4	- Hình ảnh gợi cảnh thiên nhiên hoang vắng, rộng lớn ("ngàn mai", "gió cuốn") và thấp thoáng sự mệt mỏi, rã rời ("chim bay mỏi"). - Đây là phép tả cảnh ngụ tình: chim mỏi gợi liên tưởng đến chính người lữ khách cũng mỏi mệt, đơn độc trên đường đời. - Gợi nỗi cô đơn, nhớ quê hương, gia đình, đặc biệt khi đêm xuống. => Giá trị biểu cảm: Tăng chiều sâu cảm xúc, khắc họa rõ nỗi buồn và sự cô độc của nhân vật trữ tình. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 2 ý: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Bài thơ thể hiện nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương sâu sắc của người phụ nữ xa nhà, đồng thời phản ánh tâm trạng cô đơn, lạc lõng trong cảnh chiều buông nơi đất khách. Qua đó, bài thơ cũng thể hiện nỗi niềm hoài cổ, yêu quê hương đất nước và nỗi buồn thân phận của người phụ nữ thời xưa – phải sống trong những hoàn cảnh bất đắc dĩ, không thể tự quyết cuộc đời mình. Hướng dẫn chấm:	1,0

		- Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm (hình thức một đoạn văn: 0,25 điểm; nội dung: 0,75 điểm) - Trả lời nội dung sơ sài: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm <i>HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.</i>	
	6	Nêu được cảm nhận về người phụ nữ xưa. Có thể theo các ý sau; - Người phụ nữ xưa thường phải chịu nhiều bất hạnh, không được làm chủ số phận, không có hạnh phúc. - Họ thường là nạn nhân của lễ giáo phong kiến, bị giam hãm trong những ràng buộc không lối thoát. - Dù sống trong hoàn cảnh cô đơn, họ vẫn có nội tâm sâu sắc, nhạy cảm, biết trân trọng gia đình, quê hương. - Hình ảnh người phụ nữ trong thơ Bà Huyện Thanh Quan vừa gợi xót xa, thương cảm, vừa toát lên vẻ điềm đạm, tinh tế và giàu tình cảm. Hướng dẫn chấm: - Trả lời mỗi ý cho 0,25 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm	1.0
II		VIẾT	5,0
	1	Viết bài văn (khoảng 600 chữ) về cách ứng xử của tuổi trẻ khi gặp thất bại trong cuộc sống.	
		a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cách ứng xử của tuổi trẻ khi gặp thất bại trong cuộc sống.	0,5
		c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng, trình bày hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận. * Thân bài: Giải thích: - Thất bại là khi chúng ta không đạt được mục tiêu. - Cách ứng xử trước thất bại là vấn đề vô cùng quan trọng, cần thiết nhất là với những người trẻ tuổi. Phân tích, bàn luận: - Người trẻ tuổi nên chọn cách ứng xử đúng đắn khi gặp thất bại trong cuộc sống: + Biết chấp nhận thất bại: vì tuổi trẻ giàu nhiệt huyết, hoài bão, đam mê nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm, trải nghiệm... nên khó tránh được thất bại, thất bại là một phần tất yếu của cuộc sống. + Không nên buông xuôi bởi buông xuôi nghĩa là chưa dám đi đến tận cùng của ước vọng khát khao, là tự mình đánh mất đi cơ hội để thành công. - Tầm quan trọng của việc ứng xử đúng đắn trước thất bại: + Rút ra những bài học kinh nghiệm, biến thất bại thành bàn đạp để thành công. + Có thêm sức mạnh, lòng quyết tâm ý chí nghị lực, lòng kiên trì quyết tâm theo đuổi đến cùng mục tiêu.	3,0

	+ Suy nghĩ lạc quan, tích cực.... (Dẫn chứng minh họa) - Mở rộng vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình. + Chấp nhận thất bại không đồng nghĩa với việc để bản thân trượt dài trong chuỗi thất bại. + Không chấp nhận buông xuôi không đồng nghĩa với việc tạo ra quá nhiều áp lực với bản thân, khiến bản thân rơi vào tình trạng căng thẳng mệt mỏi. * Kết bài: Khẳng định quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học nhận thức, hành động cho bản thân. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật</i>	
	d. d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,5
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

Đề 6.

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản:

GẶP QUỶ DŨ VÀ THẦN RỪNG (HỒ)

(Trích chèo *Trương Viên*)

Mụ: – Con ơi, bây giờ mẹ đói bụng khát nước, nhọc lắm... Mẹ không thể đi được nữa, con xem có gần nhà ai thì con xin cho mẹ một chút đỡ đói lòng.

Thị Phương: (Nói sử) – Mẹ ơi,

Con trông bên đông có lửa

Mẹ ngồi đây, con thử vào coi

Có cơm cháo xin người thí bỏ

Quỷ: (Ra) – Động ta đây nghiêm chỉnh sắp bày

Ưu kìa người họa phúc tới đây

Sai chúng quỷ ra vây bắt lấy

(Xưng danh)

Mỗ bạch yêu tinh

Chiếm cao san nhất động

Ngày ngày thường bắt người nuốt sống

Đêm thời đón khách nhai gan

Lộc thiên trù đưa đến tự nhiên

Nay được bữa no say... cha chả!

Này người kia,

Sơn lâm rừng vắng

Đỉnh thượng non cao

Chón hang sâu sao dám tìm vào

Đi đâu đó, kìa con, nọ mẹ?

Thị Phương: – Trình lạy ông thương đoái

Mẹ con tôi đói khát lắm thay

Xây nhà lạc bước đến đây
 Có cơm cháo xin người thí bỏ
Quý: – Không khiến kêu van kẻ lẽ
 Ta quyết nhai tuổi, nuốt sống không tha
Quý cái: (Ra) – Chàng ăn thịt gì cho thiếp tôi ăn với!
Quý: – Ta ăn thịt Thị Phương.
(Lược một đoạn: Quý nói chuyện với Quý cái. Thương cho Thị Phương, Quý cái nhận Thị Phương là em kết nghĩa để nàng không bị ăn thịt. Quý cái còn cho Thị Phương năm lạng vàng để nàng đem về nuôi mẹ.)
Thị Phương: (Quay ra) – Mẹ thức hay ngủ mẹ ơi!
Mụ: – Con vào đây có được tí gì không?
Thị Phương: – Thừa mẹ, con vào đó, quý đông đòi ăn thịt.
Mụ: – Ăn cơm với thịt đông à?
Thị Phương: – Quý đông đòi ăn thịt con, mẹ ạ. Quý cái ra can rồi lại cho vàng.
Mụ: (Cầm vàng) – Ở hiền rồi lại gặp lành (*Hát sắp*)
 Gặp vợ chú quý cho thanh tre già
(Nói sử) Ồi con ơi,
 Mẹ cảm thương thân mẹ
 Mẹ lại ngại thân con (*Hát văn*)
 Như dao cắt ruột mẹ ra
 Trăm sầu, nghìn thảm chất đà nên con!
(Nói) – Con ơi, trời còn sớm hay đã tối mà con cứ dắt mẹ đi mãi thế này?
Thị Phương: – Trình lay mẹ,
 Vàng ô đã lặn
 Vắng vẻ cửa nhà
 Mẹ con ta vào gốc cây đa
 Nằm nghỉ tạm qua đêm sẽ liệu (*ngồi nghỉ*).
Thần rừng (Hổ): (Ra) – Ra oai hùm gầm kêu ba tiếng
 Phóng hào quang chuyển động phong lôi
 Xa chẳng tỏ, nhảy lại ngó coi
 Giống chi chi như thể hình người
 Đi đâu đó? – Kìa con, nọ mẹ
 Muốn sống thời ai chịu cho ai
 Vào nộp mệnh cho ta nhai một.
Thị Phương: – Trăm lay ông,
 Nhẽ ngày hôm qua một tận không còn
 Tôi kêu trời khản đất đã vang
 Qua nạn ấy, nạn này lại phải
 Ôn ông vạn bội
 Ông ăn thịt một, còn một ông tha
 Ông để mẹ già, tôi xin thế mạng.
Mụ: (Nói sử) – Trình lay ông
 Con tôi còn trẻ
 Công sinh thành, ông để tôi đền
 Ông ăn thịt tôi, ông tha cháu nó.
Thị Phương: – Thừa mẹ, mẹ để con chịu cho.

- Mụ:** – Ôi con ơi, con còn trẻ người non dạ, để mẹ chịu cho.
- Thần rừng (Hổ):** – Nhẽ ra thời ăn thịt cả không tha
Thấy mẹ con tiết nghĩa thay là
Tha cho đó an toàn tính mệnh.

(Trích *Trương Viên*, in trong *Tuyển tập chèo cổ*, Hà Văn Cầu, NXB Sân khấu, 1999)

Tóm tắt văn bản: *Trương Viên quê đất Võ Lăng, nhờ mẹ sang hỏi cưới Thị Phương, người con gái của Tể tướng đã hồi hưu. Thấy chàng học giỏi, cha Thị Phương đồng ý và cho đôi ngọc lưu ly làm của hồi môn. Giữa lúc chàng đang dùi mài kinh sử thì được chiếu đòi đi dẹp giặc, chàng từ biệt mẹ già, vợ trẻ để ra chiến trường. Trong cảnh chạy giặc, Thị Phương đã dắt mẹ chồng lưu lạc suốt mười tám năm. Hai người bị quỷ dữ trong rừng sâu đòi ăn thịt, song may nhờ người vợ quỷ nhận làm chị em xin tha rồi cho vàng. Tiếp đó họ lại bị hổ dữ đòi ăn thịt. Thị Phương tình nguyện dâng mạng mình để cứu mẹ chồng. Hổ tha mạng cho cả hai mẹ con.*

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Liệt kê các nhân vật xuất hiện trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những lối nói, làn điệu xuất hiện trong văn bản.

Câu 3. Xác định chủ đề của văn bản

Câu 4. Qua hai lần suýt chết, Thị Phương hiện lên là một người phụ nữ như thế nào?

Câu 5. Nhận xét về thái độ, cách ứng xử của người mẹ chồng đối với Thị Phương trong văn bản.

Câu 6. Chia sẻ suy nghĩ của anh/chị về một bài học mà anh/chị cảm thấy tâm đắc nhất qua văn bản.

II/ Viết (5,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Các nhân vật xuất hiện trong văn bản: Mụ, Thị Phương, quỷ, quỷ cái, Thần rừng (Hổ)	0,5
	2	Những lối nói, làn điệu xuất hiện trong văn bản: Nói sử, hát sấp, hát vắn.	0,75
	3	Chủ đề: Tấm lòng hiếu thảo của người chinh phụ/ phụ nữ có chồng đi chinh chiến nơi xa.	0,75
	4	- Khi bị quỷ bắt, Thị Phương may mắn thoát chết nhờ sự giúp đỡ của quỷ cái. Đứng trước hoàn cảnh chồng đi lính, mẹ chồng già yếu, suýt bị quỷ ăn thịt, Thị Phương có thể vì quá cùng quẫn mà bỏ lại mẹ chồng, ra đi. Nhưng không, nàng vẫn quay về bên mẹ chồng, thu xếp cho mẹ chỗ nghỉ ngơi. - Khi thần rừng xuất hiện và đòi ăn thịt một trong hai người, Thị Phương không ngần ngại, nguyện hiến mạng để mẹ chồng được sống. => Thị Phương là người phụ nữ rất dũng cảm, nhân hậu, hiếu thảo, chân thành.	1,0
	5	- Thái độ, cách ứng xử của người mẹ chồng đối với Thị Phương: + Bà thương thân và cũng thương con dâu vất vả: <i>Mẹ cảm thương thân mẹ/ Mẹ lại ngại thân con/ Như dao cắt ruột mẹ ra/ Trăm sầu, nghìn thảm chất đả lên con!</i> + Trước cảnh thần rừng đòi một người hiến mạng, bà cũng không ngần ngại dâng mạng mình để con dâu được sống.	1,0

		=> Người mẹ chồng rất thương yêu và đồng cảm với hoàn cảnh của Thị Phương. Mỗi quan hệ mẹ chồng nàng dâu là mối quan hệ khó mà gần gũi biết bao đời nay. Thế nhưng, mẹ chồng của Thị Phương lại yêu thương con dâu, đối đãi với nàng như con ruột.	
	6	- Nêu được một bài học ý nghĩa (Ví dụ: Ở hiền gặp lành; đối đãi với người khác bằng tình yêu và sự chân thành, ta cũng sẽ được nhận lại tình yêu tương xứng;...). - Trình bày suy nghĩ của mình về bài học mà bản thân tâm đắc bằng những lí giải hợp lí, thuyết phục.	1,0
II		VIẾT: Viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động	5,0
		<i>1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
		<i>2. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động.	0,5
		<i>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: * Nêu vấn đề (thói quen có hại): lạm dụng điện thoại di động. * Giải thích: - Lạm dụng điện thoại di động là sử dụng điện thoại di động một cách thiếu kiểm soát, gây ảnh hưởng đến cuộc sống (luôn chăm chú nhìn vào màn hình điện thoại; sử dụng điện thoại bất kể thời gian, nơi chốn; thức đến hai, ba giờ sáng để theo dõi những dòng cập nhật trên mạng xã hội, ...). * Phân tích tác hại của thói quen lạm dụng điện thoại di động: - Thói quen lạm dụng điện thoại di động khiến con người mất tập trung trong học tập, lao động, từ đó ảnh hưởng đến kết quả học tập và công việc,... - Việc lạm dụng điện thoại di động ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của chúng ta (mỏi mắt, chóng mặt, suy giảm thị lực, rối loạn giấc ngủ, sức khỏe suy kiệt,...) * Dự đoán phản ứng của người có thói quen lạm dụng điện thoại di động (dùng điện thoại di động để phục vụ học tập, cập nhật tin tức đời sống-xã hội, giải trí,...) * Nêu lợi ích của việc từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động: - Nếu từ bỏ được thói quen lạm dụng điện thoại di động thì chiếc điện thoại đó lại trở thành công cụ hữu ích cho cuộc sống con người: Các ứng dụng trên điện thoại thông minh rất tiện lợi; là thiết bị giúp ích trong việc mở rộng giao tiếp, soạn thảo văn bản, chụp ảnh, dựng phim; phục vụ đắc lực cho các bài thuyết trình, phỏng vấn,... * Giải pháp khắc phục/từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động: - Cần giới hạn thời gian sử dụng điện thoại trong ngày. - Sử dụng điện thoại di động một cách tự chủ, đúng lúc, đúng nơi, công việc không cần điện thoại thì tránh để điện thoại bên mình. - Tránh sử dụng điện thoại di động hai tiếng trước khi đi ngủ.	3,0

	- Tuyên truyền về tác hại của việc lạm dụng điện thoại tới những người thân trong gia đình và mọi người xung quanh,... * Đánh giá chung: - Khẳng định ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động - Rút ra bài học cho bản thân, nêu thông điệp, thể hiện niềm tin, khích lệ mọi người từ bỏ một thói quen có hại.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

Đề 7.

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TUNG BỪNG ĐẠI LỄ 1.000 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI

Đại lễ 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội diễn ra từ 1-10 đến 10-10-2010. Trong những ngày Đại lễ, người dân Thủ đô và các du khách thập phương được đắm chìm trong không khí linh thiêng, hào hoa của đất Thăng Long xưa, đồng thời cảm nhận nét hiện đại, mạnh mẽ của Hà Nội ngày nay.

Ngày khai mạc được tổ chức trọng thể vào sáng 1-10-2010 tại Vườn hoa Lý Thái Tổ và đường Đinh Tiên Hoàng, xung quanh hồ Hoàn Kiếm.

Ngày khai mạc mở màn cho trên 50 hoạt động khác nhau trong 10 ngày Đại lễ. Có thể kể tới các hoạt động văn hoá nghệ thuật như: “Đêm Hồ Gươm lung linh và trình diễn áo dài truyền thống”, biểu diễn các điệu múa cổ Thăng Long - Hà Nội, biểu diễn Âm nhạc của các nghệ sỹ nổi tiếng Việt Nam, biểu diễn của các đoàn nghệ thuật quốc tế tại các sân khấu ngoài trời, Chương trình Lễ hội đường phố của Tuổi trẻ Thủ đô và cả nước tại Quảng trường Cách mạng Tháng Tám...

Hoạt động trưng bày hiện vật lịch sử 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội tại Trung tâm Hoàng thành Thăng Long, số 9 và 18 Hoàng Diệu khai mạc ngày 2-10. Kế tiếp đó, trong 10 ngày Đại lễ có nhiều triển lãm như: Triển lãm các trận đánh và chiến dịch nổi tiếng trong lịch sử quân sự Việt Nam, Triển lãm và Liên hoan thư pháp Thăng Long - Hà Nội tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Triển lãm Những tấm lòng với Thăng Long Hà Nội tại Cung Văn hoá Lao động Hữu nghị ...

Trong dịp Đại lễ còn có Liên hoan ẩm thực Hà thành tại Công viên nước Hồ Tây, Liên hoan nghệ thuật Điều - Hà Nội tại Quảng trường Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình, Liên hoan Du lịch quốc tế Thăng Long - Hà Nội tại Thiên đường Bảo Sơn...

Nhiều công trình trọng điểm chào mừng 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội cũng sẽ được khánh thành trong dịp này. Tổ chức Kỷ lục Guinness đã trao Bằng chứng nhận “Bức tranh gắn gốm lớn nhất thế giới” cho “Con đường gốm sứ”.

Các Bộ ngành, địa phương cũng từng bừng tổ chức các hoạt động kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội như: Liên hoan Xiếc, Múa rối quốc tế, Triển lãm ảnh nghệ thuật quốc tế; Lễ dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng và triển lãm ảnh về “Các vùng kinh đô”... tại Phú Thọ; Lễ hội Cổ đô Hoa Lư tại Ninh Bình; Lễ hội Làng Sen tại Nghệ An; Festival Tây Sơn - Bình Định và Liên hoan Võ cổ truyền Quốc tế tại Bình Định... Bên cạnh đó, hoạt động kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội cũng được tổ chức tại một số địa điểm ở nước ngoài.

Sự kiện quan trọng trong dịp Đại lễ là Lễ Mít tinh, Diễu binh, Diễu hành diễn ra sáng 10-10 tại Quảng trường Ba Đình. Đây là chương trình mít tinh, diễu binh diễu hành cấp quốc gia quy mô lớn nhất từ trước tới nay với sự tham gia của 31.000 người.

Khép lại 10 ngày Đại lễ, Đêm hội văn hoá nghệ thuật kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội tại Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình là đêm nghệ thuật hoành tráng được chốt lại bằng màn bắn pháo hoa nghệ thuật.

(Theo thegioidisan.vn)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên .

Câu 2. Xác định nội dung chính được đề cập trong phần Sapo (đoạn văn in đậm) của văn bản.

Câu 3. Theo đoạn trích, sự kiện quan trọng được tổ chức mang tầm quốc gia, có quy mô lớn và số người tham gia đông nhất từ trước tới nay là gì?

Câu 4. Chỉ ra một biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn:

Trong dịp Đại lễ còn có Liên hoan ẩm thực Hà thành tại Công viên nước Hồ Tây, Liên hoan nghệ thuật Diễu - Hà Nội tại Quảng trường Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình, Liên hoan Du lịch quốc tế Thăng Long - Hà Nội tại Thiên đường Bảo Sơn

Câu 5. Hãy nêu nhận xét của anh/chị về thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản.

Câu 6. Qua sự kiện Đại lễ 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội, hãy viết đoạn văn từ 5 – 7 câu nêu suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa nét đẹp truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.

II. VIẾT (5,0 điểm)

“Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khác.” Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục người khác đừng bao giờ đánh mất niềm tin vào bản thân.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5.0
	1	Thể loại của văn bản: Văn bản thông tin	0.5
	2	Nội dung chính phần Sapo: Thời gian diễn ra và không khí nổi bật của những ngày đại lễ.	0.75
	3	Sự kiện quan trọng: Lễ Mít tinh, Diễu binh, Diễu hành tại Quảng trường Ba Đình.	0.75
	4	Liệt kê: <i>Liên hoan ẩm thực Hà thành, Liên hoan nghệ thuật Diễu - Hà Nội, Liên hoan Du lịch quốc tế Thăng Long - Hà Nội</i>	1.0
	5	Thái độ của người viết: Trân trọng, yêu mến, tự hào về những nét đẹp truyền thống của dân tộc.	1.0
	6	- HS trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành. - HS nêu rõ quan điểm, suy nghĩ cá nhân nhưng cần có những lí giải thuyết phục, hợp lí, không vi phạm đạo đức và pháp luật. Sau đây là gợi ý: - Uống nước nhớ nguồn là một giá trị đạo đức truyền thống quý báu, được hình thành và phát triển từ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. "Uống nước nhớ nguồn" đã dạy cho con người hiểu rõ hơn về lòng biết ơn, về sự báo đáp với những người đã có công lao giúp đỡ mình. Câu tục ngữ mang đậm tính nhân văn và chúng ta là những	1.0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		người thế hệ sau nên có ý thức bảo vệ, giữ gìn và phát huy hơn nữa truyền thống tốt đẹp đó bằng những hành động thiết thực: + Biết ơn, trân trọng những thành tựu của thế hệ trước để lại bằng những tình cảm tốt đẹp nhất. + Cố gắng học tập, lao động để có cuộc sống tốt đẹp và xây dựng đất nước phát triển văn minh hơn; gây dựng một tương lai tươi sáng cho thế hệ mai sau. + Có những hành động thiết thực để tưởng nhớ, khắc ghi công lao của ông cha.	
II		VIẾT	5.0
		“Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khác.” Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục người khác đừng bao giờ đánh mất niềm tin vào bản thân.	
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội</i>	0.5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận thuyết phục người khác: Đừng bao giờ đánh mất niềm tin vào bản thân.</i>	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí luận và dẫn chứng.</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: - Giải thích: + <i>Niềm tin vào bản thân:</i> Đó là niềm tin vào chính mình, tin vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống. Đó còn là mình hiểu mình và tự đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống. + <i>Đánh mất niềm tin vào bản thân:</i> Là không tin tưởng vào khả năng, luôn đắm chìm trong sự tự ti, hoài nghi năng lực của chính mình. Khi bạn đánh mất niềm tin vào bản thân, bạn sẽ khó đạt được mục tiêu mình đề ra, kéo theo đó là trì trệ sự phát triển của bản thân. - Phân tích, chứng minh: - <i>Niềm tin vào bản thân là niềm tin cần thiết nhất trong mọi niềm tin.</i> + Sự tự tin sẽ giúp chúng ta thoát khỏi tự ti, hoài nghi về bản thân và từ đó vươn lên, đạt được những thành công rực rỡ. + Niềm tin sẽ biến thành động lực sống, giúp con người làm việc hiệu quả hơn. + Khi ta có niềm tin vào bản thân, ta có thể dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với tất cả khó khăn, thử thách trong cuộc đời. Nhờ đó, ta có thể thành công hoặc chí ít ta cũng có thể học hỏi được kinh nghiệm từ những thất bại. + Trải qua những khó khăn, thử thách, bất hạnh, chúng ta vẫn tin vào bản thân sẽ khiến cho bản lĩnh của mình càng vững vàng. + Tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân là lúc chúng ta đã vượt lên, chiến thắng tất cả.	3.0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		- <i>Đánh mất niềm tin hoặc không tin vào chính khả năng của mình thì con người sẽ không có ý chí, nghị lực để vươn lên.</i> + Nếu không tin tưởng vào những khả năng của bản thân mình và nỗ lực hoàn thành công việc, chúng ta sẽ không có những thành quả ngọt ngào. + "Thiếu tự tin là nguyên nhân của phần lớn thất bại" (Bovee). Nếu con người không có ý chí, nghị lực, niềm tin vào bản thân sẽ không đủ bản lĩnh để vượt qua, không khẳng định được mình, mất tự chủ, dần buông xuôi, rồi dần đến đánh mất chính mình. + Khi đã đánh mất chính mình là đánh mất tất cả, trong đó có những thứ quý giá như: tình yêu, hạnh phúc, cơ hội... thậm chí cả sự sống của mình. + Khi con người không có niềm tin vào bản thân mình thì khó lòng thuyết phục người khác tin tưởng vào mình, dẫn đến việc làm gì cũng khó thành công. - Chứng minh: + Lấy dẫn chứng về những con người sống có niềm tin: Ví dụ: Henry Ford – cha đẻ của hãng xe hơi Ford nổi tiếng chưa tốt nghiệp một trường lớp nào và từng không xin được việc vì không có bằng cấp. Honda – người sáng lập ra hãng Honda đã từng không dưới năm mươi lần thất bại và có khoảng thời gian là kẻ vô sản, không nhà không cửa. Nick Vujicic – một người không chân, không tay anh đã khiến cả thế giới biết tới mình bằng một nghị lực phi thường. - Phản biện: + Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người sống trong sự tự ti, hoài nghi những khả năng của bản thân hoặc quá nhút nhát không dám thực hiện, không dám làm những việc bản thân mình mong muốn vì sợ sai lầm. + Cũng có những người chỉ biết nghe theo sự sắp đặt, định hướng của người khác mà không có chính kiến của mình,... Những người này cần phải xem xét lại bản thân mình nếu muốn có một cuộc sống tốt đẹp hơn. - Bài học nhận thức và hành động: + Mỗi người cần học cách sống lạc quan và yêu đời hơn. + Hãy luôn hi vọng vào những điều tốt đẹp vì cuộc đời này suy cho cùng còn rất nhiều điều đáng để ta trân trọng và ước mơ.	
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		e. <i>Sáng tạo</i> Bài viết có giọng điệu riêng, cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
		*Lưu ý: - Giáo viên khi chấm cần vận dụng linh hoạt đáp án, khuyến khích điểm với những bài viết có cảm xúc và sáng tạo. - HS có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt thì cho đủ điểm.	
Tổng điểm			10,0